

LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM THÍCH ỨNG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

PGS.TS. Phạm Thị Túy*

Bước vào thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc, nó đã đặt mọi quốc gia trước thực tế phải lựa chọn con đường phát triển phù hợp để tận dụng tốt nhất những thành tựu của cuộc cách mạng này nhằm hướng tới kỳ vọng “bứt phá nhờ công nghệ” và với Việt Nam đây còn là thời điểm cần đột phá phát triển để “bắt kịp”, “tiến cùng” thời đại vào năm 2045 - khi tròn 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, việc lựa chọn lộ trình/ bước đi, sắp đặt các thứ tự ưu tiên để Việt Nam tiếp tục phát huy thành quả của 35 năm đổi mới và tận dụng tối ưu thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để hoàn thành mục tiêu trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã xác định là mục tiêu bài viết này hướng đến.

* Từ khóa: lộ trình phát triển; phát triển kinh tế Việt Nam; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Entering the third decade of the twenty-first century, the fourth industrial revolution is accelerating, it has put every country in front of reality to choose the right development path to make the best use of the achievements of the world. This revolution is aimed at the expectation of “breakthrough thanks to technology”, and for Vietnam, this is also the time to make a breakthrough in development to “catch up”, “advance” with the times in 2045 - when it will be 100 years old. established the Democratic Republic of Vietnam, now the Socialist Republic of Vietnam. Therefore, choosing a route/step, setting priorities for Vietnam to continue promoting the achievements of 35 years of innovation and making optimal use of the achievements of the fourth industrial revolution to accomplish the goal of becoming a developed country, following the socialist orientation that the 13th National Congress of Deputies has identified as the goal of this article.

• Keywords: development roadmap; economic development of Vietnam; fourth industrial revolution.

Ngày nhận bài: 15/11/2021

Ngày gửi phân biện: 20/11/2021

Ngày nhận kết quả phân biện: 15/12/2021

Ngày chấp nhận đăng: 30/12/2021

1. Bối cảnh Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Khái niệm Công nghiệp 4.0 hay nhà máy thông minh lần đầu tiên được đưa ra tại Hội chợ công nghiệp Hannover tại Cộng hòa Liên bang Đức vào năm 2011.

Năm 2012, một từ khóa mới là “Công nghiệp 4.0” (Industrie 4.0) chính thức được Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức đưa ra nhằm nói tới chiến lược công nghệ cao, điện toán hóa ngành sản xuất mà không cần sự tham gia của con người. Cũng từ đó, khái niệm cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) được đề cập đến một cách phổ biến và cũng từ đó, các quốc gia, các nền kinh tế dù trình độ phát triển là khác nhau, song cũng phải xác định đó như là một nền tảng căn cốt, một xu hướng chi phối sự phát triển mà không có những lựa chọn khác.

Thực vậy, ngược dòng lịch sử có thể thấy nhân loại đã chứng kiến 3 cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lớn: i/ *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất* (từ 1784) xảy ra khi loài người phát minh động cơ hơi nước... theo đó, những tác động của nó đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại. ii/ *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai* (từ 1870) đến khi loài người phát minh ra động cơ điện, mang lại cuộc sống văn minh, năng suất tăng nhiều lần so với động cơ hơi nước. iii/ *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba* (từ 1969) xuất hiện khi con người phát minh ra bóng bán

* Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

dẫn, điện tử, kết nối thế giới liên lạc được với nhau (máy tính, điện thoại, Internet...) là những công nghệ hiện nay chúng ta thụ hưởng là từ cuộc cách mạng này. *iv/Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* đã diễn ra mà chúng ta đang chứng kiến có thể nói nó xuất hiện từ những năm 2000 - với tên gọi là cuộc cách mạng số, thông qua các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC)... để chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số.

Hiện thực trên cho thấy, Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đứng trước thách thức là căn bản, còn cơ hội có được lại hoàn toàn nằm trong kỳ vọng và phụ thuộc quan trọng, quyết định vào cách thức lựa chọn mô hình phát triển nói chung, mô hình phát triển kinh tế nói riêng.

2. Tiền đề định hướng mục tiêu cho mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trải dài suốt 76 năm xây dựng, phát triển đất nước, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, cụ thể là: *i/ Từ một nước nghèo, Việt Nam đã trở thành một nước có thu nhập trung bình thấp từ năm 2010*. GDP bình quân đầu người khoảng 100 USD năm 1990 đã tăng lên 3521 USD năm 2020 (Số liệu của Tổng cục Thống kê); *ii/ Từ một nền kinh tế tương đối thuần nông, Việt Nam đã chuyển mạnh nền kinh tế định hướng công nghiệp chế tác và dịch vụ với giá trị gia tăng cao hơn*. Năm 1991¹, nông nghiệp chiếm tỷ trọng 38,7% GDP; năm 2020 chỉ còn 13,5%, trong khi Việt Nam vẫn được xem là nước có nhiều lợi thế về sản xuất nông nghiệp và mạnh về xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản, điều đó cũng chứng minh sự bứt phá của các lĩnh vực kinh tế khác thời gian qua (năm 1991, công nghiệp chiếm tỷ trọng 22,7% GDP; năm 2020 đóng góp 53%; tỷ trọng dịch vụ tương ứng là 38,6% năm 1991 và 33,5% năm 2020); *iii/ Từ một nền kinh tế khép kín, Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế mở nhất thế giới xét theo tỷ lệ giá trị thương mại trên GDP* (năm 2018 là gần 200%) và vai trò của FDI trong nền kinh tế (khu vực FDI trong những năm lại đây

¹ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng) Nội dung văn kiện Đại hội Đảng (chinhphu.vn)

đóng góp khoảng 20% GDP, trên 70% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và gần 1/4 tổng đầu tư hàng năm). Đồng thời, ở thời điểm những năm 1980, về cơ bản Việt Nam chỉ có quan hệ thương mại với các nước trong khối XHCN cũ. Thị hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với hầu hết các quốc gia/ các nền kinh tế trên thế giới, là thành viên WTO (từ năm 2007) và đã tham gia (thực thi, ký kết, kết thúc hoặc đang đàm phán) 17 Hiệp định thương mại tự do (FTAs), bao gồm cả những FTA chất lượng cao như CPTPP, EVFTA; *iv/ Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung (quan liêu, bao cấp; đến giữa những năm 1980), Việt Nam đã chuyển sang một nền kinh tế thị trường định hướng hiện đại* cùng sự trưởng thành của 3-4 thế hệ doanh nhân và sự lớn mạnh của khu vực kinh tế tư nhân với khoảng trên 700.000 doanh nghiệp tư nhân.

Dù đã thu được những thành quả đáng ghi nhận nêu trên, song Việt Nam cũng cần nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện về xu hướng vận hành, phát triển của khu vực, thế giới với sự thịnh hành đột phá công nghệ trên tất cả mọi lĩnh vực công nghệ - sinh học, vật liệu, năng lượng, vũ trụ... và đặc biệt là công nghệ thông tin. Bên cạnh đó thì những thách thức vẫn còn thường trực:

(1) Thách thức còn nằm ở chỗ: cơ hội chỉ là một chuyện, hiện thực hóa cơ hội mới là điều chủ chốt. Bởi thực tế cho thấy rõ rằng lợi ích không tự động đưa đến cùng sự xuất hiện công nghệ, ngay cả công nghệ đột phá. Thách thức còn là hiện thực “kinh niên” rằng thực tiễn luôn “vượt trước” chính sách rất xa, điều đó cũng hiện hữu khi chuyển đổi số đang diễn ra với tốc độ vượt xa sự phát triển của chính sách dựa trên kinh nghiệm, làm tăng cả rủi ro kinh tế - xã hội và cả những thách thức quản lý kinh tế - xã hội.

(2) Thách thức trong dài hạn là các quốc gia đang phát triển, Việt Nam là một trong số đó, sẽ phải đối diện với nguy cơ cao hơn về “tụt hậu” do tồn tại “khoảng cách số”. Theo đó, bất đối xứng thông tin và “thất bại thị trường” có xu hướng tăng lên, và dẫn đến những hệ lụy không mong muốn như độc quyền, gia tăng khoảng cách phát triển.

(3) Thách thức ở chính ngay cơ hội phát triển - Cơ hội phát triển rất lớn, song lại ập vào rất nhanh. Trong khi đó, đất nước, các chủ thể kinh tế xã hội không hoặc chưa đủ năng lực (con người, bộ máy, công nghệ, tài chính,...) để chuyển hóa cơ hội thành lợi ích phát triển hiện thực...

Từ những nhận diện tổng thể, căn bản nêu trên cùng khát vọng phát triển đất nước “sánh vai với các cường quốc, năm châu” trên cơ sở tận dụng tốt nhất những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vậy nên, định hướng mục tiêu cho mô hình phát triển kinh tế Việt Nam như sau²:

Mục tiêu tổng quát: Đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Những luận giải nêu trên phần nào đã cho thấy các căn cứ khoa học cho việc định hướng mục tiêu mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên, để hiện thực hóa được các định hướng mục tiêu nêu trên rất cần sự đồng thuận, quyết tâm, nỗ lực cao và đồng bộ của tất cả các chủ thể kinh tế, xã hội.

3. Tiếp cận lựa chọn lộ trình phát triển kinh tế Việt Nam thích ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Đứng trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc, quyết tâm không để lỡ nhịp tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp này như 3 cuộc cách mạng công nghiệp trước đây và nhằm đạt được kỳ vọng đột phá phát triển để “bắt kịp”, “tiến cùng” thời đại vào năm 2045. Việt Nam cần thiết phải có lộ trình phát triển phù hợp và lộ trình đó phải là:

Thứ nhất, thay đổi tư duy, nhận thức để hướng tới sự đồng thuận về phát triển nền kinh tế số

Như chúng ta đã biết, nhận thức là cơ sở để con người hành động, có nhận thức đúng mới hành động đúng và đem lại hiệu quả cao nhất, đồng thời, khi nhận thức đã thông suốt thì hành động mới thuận như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ dạy: Ý thức tư tưởng là yếu tố đầu tiên tạo nên quyết tâm của người cách mạng, là cơ sở

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H 2021, tr 326-327.

để có hành động cách mạng đúng đắn và dù làm công việc gì, bất kể lớn hay bé, khó hay dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công, nhưng nếu đồng tâm hiệp lực thì có thể làm được. Muốn như vậy, mọi người phải hiểu được vì sao làm và làm như thế nào... Chính vì vậy, để thực hiện hiệu quả công cuộc chuyển đổi nền kinh tế - sang vận hành trên nền tảng số - xây dựng nền kinh tế thông minh, cần tạo sự đồng thuận trong tư duy, nhận thức về phát triển nền kinh tế số, về tất yếu của sự chuyển đổi số, về quan điểm thực hiện chuyển đổi số, về cơ chế, lộ trình chuyển đổi số, về các điều kiện đảm bảo thực hiện chuyển đổi số, về chuyển đổi cơ chế vận hành nền kinh tế mới...

Thứ hai, xác định phương thức để “thoát cũ”

Thay đổi tư duy, nhận thức để hướng tới đồng thuận là bước khởi đầu quan trọng, song thay đổi không có nghĩa là muốn thay như thế nào, đổi ra sao hay “thay toàn diện”, “đổi hoàn toàn”...bởi nền kinh tế là một hệ thống phức hợp có cấu trúc tương đối ổn định và không thể ngừng vận động... nên để thay đổi một cách hiệu quả cần xác định phương thức để “thoát cũ”, nghĩa là sự “rời bỏ” cái cũ, cái lỗi thời để “tiếp nhận”/chuyển sang cái mới, cái phù hợp hơn với xu hướng phát triển chung.

Cũng bởi vậy mà việc “thoát cũ” cần được tiến hành có lịch trình cụ thể, có các phương thức thực hiện phù hợp để đảm bảo sự liên tục trong vận hành nền kinh tế trên nền tảng tổng thể hiện có, đồng thời có sự tiếp cận hoặc có những sự chuyển đổi ở những khâu, những công đoạn, những bộ phận, những lĩnh vực cụ thể. Có nghĩa rằng, việc chuyển đổi nền kinh tế để tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cần thiết phải có phương án, cách thức cụ thể cho việc “từ bỏ” những gì được xem là không còn phù hợp, những gì được xem là cần thay đổi.

Thứ ba, định hình về việc “xây mới”

Nhận thức về việc cần thay đổi, xác định phương thức thay đổi - hay “thoát cũ” thì cũng cần định hình việc “thay gì”? “đổi gì”? và “thoát gì”?... điều đó có nghĩa rằng cần định hình việc “xây mới”. Đối chiếu với bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay, việc “xây mới” không phải định hình từ con số “0”, mà “xây mới” trên nền tảng nền kinh tế hiện tồn tại với 76 năm lịch sử hình thành và phát triển, với thành quả của 35 năm đổi mới, với nền kinh tế đan xen nhiều trình độ phát triển (bao hàm từ lạc hậu (nông nghiệp tự cung, tự cấp,

sản xuất hàng hóa nhỏ) đến hiện đại (kinh tế thị trường, kinh tế số)). Vậy nên, việc “xây mới” cần định hình trên nền tảng xác định một cách tường minh nền kinh tế đang ở trạng thái nào? Trình độ phát triển ở mức độ nào (xét tổng thể nền kinh tế, từng ngành/lĩnh vực trong nền kinh tế)? Thực lực, tiềm lực nền kinh tế ra sao? Trên cơ sở đó, đặt trong xu hướng phát triển của nền kinh tế khu vực, thế giới mà xác định mục tiêu phát triển nền kinh tế Việt Nam theo từng giai đoạn phát triển.

Thứ tư, thực hiện công cuộc “chuyển đổi” từ “thoát cũ” sang “xây mới”

Khi xác định được việc “xây mới” là xây cái gì, nhất định phải tính tới việc xây như thế nào? Nghĩa là thực hiện công cuộc “chuyển đổi” từ “thoát cũ” sang xây mới. Vấn đề xây như thế nào trên nền tảng hiện thực đã được luận bàn khá nhiều, cũng có nhiều góc độ tiếp cận vì đã có không ít nghiên cứu, báo cáo, đưa ra những kiến nghị để đưa Việt Nam bước lên con tàu cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số và nhờ đó tạo ra được bút phá tăng trưởng và phát triển kinh tế (như VASS 2017; Bộ KH-CN 2017; CIEM 2018; Nguyễn Nhật Quang 2018, Cameron và cộng sự 2019, ...). Song về cơ bản, những kiến nghị được đưa ra khá “tập trung” - rằng: trong tiến trình chung của công cuộc đổi mới đất nước và hướng tới xây dựng nền kinh tế trên nền tảng tận dụng hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần thực hiện công cuộc “chuyển đổi” - chuyển đổi theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập sâu rộng và một nhà nước kiến tạo. Theo đó, trước hết cần phải tạo dựng khung khổ làm nền tảng cho hệ thống kinh tế mới về chất, coi đó là những ưu tiên chiến lược. Tiếp theo là việc hiện thực hóa của những ngành/lĩnh vực/bộ phận của nền kinh tế, theo đó đến mỗi chủ thể kinh tế, chủ thể xã hội bằng những kế hoạch, hành động cụ thể.

Về tạo dựng khung khổ nền tảng cho hệ thống kinh tế mới nghĩa là phải thực hiện công cuộc cải cách thể chế hướng tới điều tiết sự vận hành nền kinh tế trên nền tảng số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật định hướng bảo đảm sự vận hành của nền kinh tế số, tạo dựng không gian thể chế phù hợp với mục tiêu phát triển trên nền tảng số và xây dựng chính phủ điện tử/chính phủ số...; **Thúc đẩy đổi mới sáng tạo** trong đó ưu tiên thúc đẩy sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; tạo dựng Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

(NIS³) lấy doanh nghiệp làm trung tâm; xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; **Phát triển nguồn nhân lực** theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ hệ thống giáo dục từ coi trọng những tri thức học thuật, hàn lâm sang đào tạo định hướng tư duy và hình thành kỹ năng triển khai/ thực hiện công việc một cách đại chúng ở các bậc đại học và dạy nghề, chú trọng phát triển nhân lực ICT⁴ và nhân lực số trên diện rộng ở phương diện vĩ mô, trong đó dành sự quan tâm đầu tư đối với nhóm nhân lực kỹ sư và lực lượng “tinh hoa”, đồng thời thực hiện thu hút nhân tài gắn với hình thành mạng kết nối tài năng, tri thức Việt trên phạm vi toàn cầu; **Hoàn thiện kết cấu hạ tầng** cần coi là điều kiện vật chất quan trọng để hiện thực hóa công cuộc “chuyển đổi”, công việc này cần thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể đó là: nâng cấp hạ tầng IT⁵ và đảm bảo an toàn an ninh mạng; hình thành cơ sở dữ liệu thông tin mở quốc gia, chuẩn dữ liệu; bổ sung các trung tâm dữ liệu chuyên dụng cho doanh nghiệp.

Về việc hiện thực hóa công cuộc “chuyển đổi” của những ngành/lĩnh vực/ bộ phận của nền kinh tế... phải bằng những kế hoạch, hành động cụ thể. Bởi lẽ, kinh tế số có nhiều khác biệt căn bản so với kinh tế “thực” truyền thống, cả về nguồn lực, đặc trưng và cách thức tương tác, vận hành. Chính vì vậy, để thực hiện “chuyển đổi” thì mỗi chủ thể kinh tế với những đặc thù, năng lực hiện thực... của bản thân và mục tiêu hướng đến mà có những kế hoạch và hành động cụ thể tương ứng.

Tài liệu tham khảo:

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H 2021.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ngân hàng Thế giới và Bộ KH-ĐT (2016), Việt Nam 2035 - Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ, NXB Hồng Đức.

³ NIS là viết tắt của từ National Innovation System - Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

⁴ ICT là viết tắt của Information & Communication Technology - Công nghệ thông tin và truyền thông. Chỉ số ICT (ICT index) được dùng để đo mức độ phát triển của Công nghệ thông tin và truyền thông, không chỉ vậy, đây còn là chỉ số để đo mức độ sẵn sàng phát triển và áp dụng CNTT và TT trong các lĩnh vực tại các nước.

⁵ IT đây là từ viết tắt của cụm từ “Information Technology” - Công nghệ thông tin.